

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà ngày 28/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà thông qua một số nội dung như sau

1. Thực hiện SXKD năm 2021

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	% HT KHN
I	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	63,500,000	51,247,956	80.7%
II	Doanh số	10 ³ d	62,500,000	51,925,504	83.1%
III	Doanh thu	10 ³ d	56,818,182	49,437,000	87.0%
IV	Tiền về	10 ³ d	64,000,000	53,415,903	83.5%
V	Nộp ngân sách	10 ³ d	7,844,000	7,361,070	93.8%
VI	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ d	2,773,000	2,798,771	100.9%
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ d	2,218,400	2,401,000	108.2%
VII	Tỷ suất lợi nhuận				
1	Lợi nhuận cận biên (lợi nhuận trước thuế/ doanh thu)	%	4.88%	5.66%	116.0%
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8.50	9.20	108.2%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	% HT KHN
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4.41	4.74	107.6%
VIII	Vốn chủ sở hữu	10 ^{3đ}	50,306,000	50,620,000	100.6%
IX	Vốn điều lệ	10 ^{3đ}	26,097,000	26,097,000	100.0%
X	Kế hoạch đầu tư		2,800,000	331,000	11.8%

2. Kế hoạch SXKD năm 2022

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
I	Tổng giá trị SXKD	10 ^{3đ}	58.200.000
II	Doanh số	10 ^{3đ}	58.200.000
III	Doanh thu	10 ^{3đ}	53.380.000
IV	Tiền về	10 ^{3đ}	58.200.000
V	Nộp ngân sách	10 ^{3đ}	7.455.000
VI	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ^{3đ}	2.700.000
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ^{3đ}	2.160.000
3	Tỷ suất lợi nhuận		
-	Lợi nhuận cận biên (lợi nhuận trước thuế/ doanh thu)	%	5,06
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,28
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,3
VII	Vốn chủ sở hữu	10 ^{3đ}	50.247.000
VIII	Vốn điều lệ	10 ^{3đ}	26.097.000
IX	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,788
X	Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức	%	6
XI	Lao động và tiền lương		
-	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	người	165
-	Thu nhập bình quân tháng 1CBCNV	10 ^{3đ}	12.121
XII	Kế hoạch đầu tư	10 ^{3đ}	3.000.000

3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Đơn vị tính: 10³ đồng

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH NĂM 2021
I	TÀI SẢN	84.315.270
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	66.708.660
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.713.632
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.100.000

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH NĂM 2021
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	41.735.929
4	Hàng tồn kho	16.804.585
5	Tài sản ngắn hạn khác	354.513
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	17.606.610
1	Các khoản phải thu dài hạn	14.081.905
2	Tài sản cố định	2.134.548
3	Đầu tư tài chính dài hạn	1.198.271
4	Tài sản dài hạn khác	191.886
II	NGUỒN VỐN	84.315.270
A	NỢ PHẢI TRẢ	33.695.556
1	Nợ ngắn hạn	29.738.863
2	Nợ dài hạn	3.956.692
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	50.619.714
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
A	DOANH THU	49.437.104
1	Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ	47.434.128
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.993.805
3	Thu nhập khác	9.171
B	TỔNG CHI PHÍ	46.638.333
1	Giá vốn hàng bán	37.113.087
2	Chi phí tài chính	-320.782
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.815.811
4	Chi phí khác	30.217
C	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.798.771
D	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	397.873
E	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.400.898

(Chi tiết cụ thể tại báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C)

4. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: 10^3 đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.798.771.319

CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TƯ VẤN
 A&C
 XUA

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
2	Thuế TNDN phải nộp	397.872.560
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.400.898.759
4	Điều chỉnh các khoản trừ vào LN sau thuế	0
5	Lợi nhuận phân phối kỳ này(100%)	2.400.898.759
6	Trích lập các quỹ năm 2021 (25%)	600.000.000
6.1	<i>Quỹ Đầu tư phát triển (0%)</i>	
6.2	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (25%):</i>	<i>600.000.000</i>
7	Lợi nhuận chia cổ tức (65,2%)	1.565.788.800
8	Vốn điều lệ	26.097.100.000
9	Số cổ phiếu lưu hành	2.609.648
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	6%
11	Lợi nhuận giữ lại	235.109.959

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như đã trình bày tại Đại hội.

6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như đã trình bày tại Đại hội.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

- Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty, cụ thể như sau:

- + Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

- Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong những công ty kiểm toán thuộc danh sách trên đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại thời điểm kiểm toán và tổ chức thực hiện hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

8. Phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty

8.1 Quyết toán lương, thù lao năm 2021

Thông qua quyết toán lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Chức danh	Quyết toán lương và thù lao năm 2021	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	30.000.000	
2	Thành viên HĐQT		5.000.000
3	Trưởng BKS chuyên trách	16.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát		3.000.000

Tổng quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 là 684.000.000 đồng.

8.2 Kế hoạch lương, thù lao và phụ cấp năm 2022

Khi công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Công ty bằng lợi nhuận kế hoạch Lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Chức danh	Mức lương/tháng	Mức thù lao/tháng	Mức phụ cấp/tháng
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	32.000.000		
2	Thành viên HĐQT		5.000.000	
3	Thành viên HĐQT độc lập			5.000.000
4	Trưởng BKS chuyên trách	18.000.000		
5	Thành viên ban kiểm soát		3.000.000	

Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách nếu đã hưởng lương tại đơn vị thì không được hưởng thù lao.

Khi quyết toán tiền lương và thù lao thực hiện theo đúng Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Điều 2: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà giao Hội đồng quản trị Công ty căn cứ các nội dung trên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội này theo quy định pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con, Công ty liên kết,

